

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
Telephone: 703-560-0058

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Two copies)

IV No: \_\_\_\_\_

VENL No: \_\_\_\_\_

I-171 \_\_\_\_\_

YES \_\_\_\_\_

NO \_\_\_\_\_

1.- APPLICANT IN VIETNAM :

THANH

vay

ĐÔNG

Last

middle

First

Current address: 234 đường Bà Hom P. 13 Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh

Date of birth: 1-6-1932 Place of birth: Cần Thơ

Previous occupation (before 1975): Quân đội Việt Nam Cộng Hòa  
(Rank and Position)

cấp bậc đại úy Trưởng Ban 2 Chi Khu  
Định Quán - Biều Khu Long Khánh

2.- TIME SPENT IN REEDUCATION CAMP :

Date: From 18-3-1975 To 13/2/1988

3.- SPONSOR'S NAME :

\_\_\_\_\_ Name

\_\_\_\_\_ Address and Telephone

4.- NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S. :

\_\_\_\_\_ Name

\_\_\_\_\_ Address and Telephone

\_\_\_\_\_ Relationship

5.- NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :

|    | Name :               | Date of birth :  | Relationship's PA |
|----|----------------------|------------------|-------------------|
| 1  | Tham thi Mui         | 1945 Cần Thơ     | vợ                |
| 2  | Đông thi Mỹ Hằng     | 1961 Q.6. Sgôn   | con               |
| 3  | Đông thi Phúc        | 1963 "           | "                 |
| 4  | Đông thi Mỹ Khu Ban  | 1966 "           | "                 |
| 5  | Đông thi Giao        | 1967 x Định Quán | "                 |
| 6  | Đông thi Khánh       | 1970 "           | "                 |
| 7  | Đông thi Mỹ桂 Truân   | 1972 "           | "                 |
| 8  | Đông thi Mỹ Đan Vy   | 1975 Phú Nhuận   | "                 |
| 9  | Nguyễn hui Vĩnh      | 1960 Saigon      | đệ                |
| 10 | Nguyễn minh Truân    | 1985 Q.6. Sgôn   | cháu              |
| 11 | Nguyễn Mỹ Hồng Ngọc  | 1987 "           | cháu              |
| 12 | Trương thi Biều Xuân | 1966 Biều Truân  | dâu               |

Dependent's address (if different from above) : .

6.- ADDITIONAL INFORMATION :

Đời bị thời kỳ không bắt đầu từ biều trong nhà, tính tại  
Định Quán (Long Khánh) ngày 18-3-1975

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

INTAKE FORM (Two copies)

- 1.--NAME : THÀNH VĂN ĐÔNG  
Last Middle First
- 2.-- DATE - PLACE OF BIRTH : ngày 1-6-1932 Cần Thơ
- 3.-- SEX : Male: X Female:
- 4.-- MARITAL STATUS : Single:        Married: X
- 5.-- ADDRESS IN VIETNAM : 86' 234 đường Bà Hom Phường 13 quận 6  
TP. Hồ Chí Minh
- 6.-- POLITICAL PRISONER : Yes: X NO:
- If YES, from 18-3-1975 to 13-2-1988
- 7.-- PLACE OF REEDUCATION CAMP : Z 30 D Hầm tầu khuân Hải
- 8.-- PROFESSION :
- 9.-- EDUCATION IN US :
- 10.-- RVN ARMY, RANK : cấp bậc đại-vệ Trưởng ban 2 Chi khu
- 11.-- RVN GOVERNMENT, POSITION :
- 12.-- APPLICATION FOR ODP :  
YES:

IV Number:       

NO:       

- 13.-- NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : 12
- 14.-- MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 234 đường Bà Hom Phường 13 quận 6  
TP. Hồ Chí Minh
- 15.-- NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : Ông không có thân nhân ở  
Mỹ. Kính nhờ quý hội Gạo nuôi bà cháu chính trị VN giúp  
đỡ và bảo trợ cho tôi
- 16.-- US CITIZEN : YES:        NO:
- 17.-- RELATIONSHIP WITH PRISONER :
- 18.-- NAME AND SIGNATURE : Đông Văn Thành

Address and Telephone of Informant:

19.-- DATE : Ngày 15-9-1989-

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**

**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP BƠN**

ODP # IV

Date :

Ngày :

Fill out this Questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

- Mail or send the completed Questionnaire to :
- Gửi số câu hỏi này tới :

193 SANJAY KHAM Building  
SATHORN TAI ROAD  
BANGKOK THAILAND  
10120

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

**A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản**

1. Name  
Họ, Tên : Đổng Văn Chánh Sex  
Phái : Nam
2. Other name  
Họ, Tên khác : no
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi sinh : 1-6-1932 Cần Thơ
4. Residence Address  
Địa chỉ thường trú : 234 Đường Bà Hòn Phường 13 Quận 6  
42 Chi Minh City
5. Mailing Address  
Địa chỉ thư gửi : 234 Đường Bà Hòn Phường 13 Quận 6  
42 Chi Minh City
6. Current occupation  
Nghề nghiệp hiện tại : Buôn bán

**B. Relatives to Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

(NOTE: Your Spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follow : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(CHÚ Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thân (W), hoặc độc thân (S).

| Name<br>Họ, tên         | Date of Birth<br>Ngày/thang/năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng g.đinh | Relationship<br>Liên hệ gia đình |
|-------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|-------------------------|----------------------------------|
| 1. Phạm Thị Mười        | 1945                                 | Cần Thơ                    | nữ          | có chồng                | vợ                               |
| 2. Đổng Thị Mỹ Hạnh     | 1961                                 | quận 6. Saigon             | "           | "                       | con                              |
| 3. Đổng Tăng Phúc       | 1963                                 | "                          | Nam         | độc thân                | "                                |
| 4. Đổng Thị Mỹ Thu Băm  | 1966                                 | "                          | Nữ          | "                       | "                                |
| 5. Đổng Tăng Giao       | 1967                                 | x.Định Quán                | Nam         | có vợ                   | "                                |
| 6. Đổng Tăng Khánh      | 1970                                 | "                          | "           | độc thân                | "                                |
| 7. Đổng Thị Mỹ Lệ Trinh | 1972                                 | x.Định Quán                | Nữ          | "                       | "                                |
| 8. Đổng Thị Mỹ Đan Vy   | 1975                                 | x.Phước Nhuận              | "           | "                       | "                                |
| 9. Nguyễn Hữu Vĩnh      | 1960                                 | Saigon                     | Nam         | có vợ                   | Rể                               |
| 10. Nguyễn Minh Tươi    | 1985                                 | quận 6. Sgon               | "           | độc thân                | cháu                             |
| 11. Nguyễn Mỹ Hồng Ngọc | 1987                                 | quận 6. Sgon               | Nữ          | "                       | "                                |
| 12. Hoàng Thị Liên Xuân | 1966                                 | Bình Định                  | "           | có chồng                | dâu                              |

C. Relatives outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoài Quốc

Of myself/Ở tôi no

Of my E spouse/Ở vợ/chồng

1. Closest Relatives in the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-kỳ

no

VI 1-750

a. Name

Họ, tên

relationship at present/đang ở

b. Relationship

Liên hệ gia đình

relationship at present/đang ở

c. Address

Địa chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relatives in Other Foreign Country

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

no

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên hệ gia đình

c. Address

Địa chỉ

3. Complete Family Listing (Living/Death)/Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

Đông Văn Bình

death

2. Mother

Mẹ

Đông Thị Bình

3. E spouse

Vợ/chồng

Phạm Thị Huệ

living

4. Former E spouse (if any)

Vợ/chồng trước (nếu có)

no

5. Children

Con cái

(1) Đông Thị Mỹ Hoàng

living

(2) Đông Văn Phúc

u

(3) Đông Thị Mỹ Khuân

u

(4) Đông Văn Giao

u

(5) Đông Văn Thanh

u

6. Spouse

Con rể

(6) Đông Thị Mỹ Huệ Bình

u

(7) Đông Thị Mỹ Đan Vy

u

(8) Nguyễn Huệ Bình

u

(9) Nguyễn Huệ Văn

u

(10) Nguyễn Mỹ Hồng Ngọc

u

(11) Trương Thị Văn Khuân

u

(12)

(13)

3. Employment by ... Government agencies or other U.S. Organization of You or Your

Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho Sở/Sở của Chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee name

Tên, họ nhân viên

Position title

Chức vụ

Agency/Company/Office

Sở/Hãng/Tên phòng

Length of Employment

From

To

Thời gian làm việc

Từ

Đến

Name of American Supervisor

Tên, họ giám thị Mỹ

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc

F. Service with DM or RVNAF By You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính phủ Việt Nam

1. Name of person Serving

Họ, Tên người tham gia

2. Dates

from

To

Ngày, tháng, năm

Từ

Đến

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng

Serial number

Số thẻ nhân viên

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị Binh Chung

5. Name of Supervisor/S.O.

Họ, Tên người Giám thị

Sĩ quan Chỉ huy

6. Reason of Separation

Lý do nghỉ việc

7. Name of American Advisor(s)

Họ, Tên Cố vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương trình huấn luyện Hoa-Kỳ

tại Việt nam

9. U.S. Awards or Certifications

Name of Award

Phân thưởng hoặc giấy khen

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes No

(CHÚ Ý: Kì bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thư nếu có.

Đương sự có không? Có Không

Huy chương, giấy khen, không có

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở  
Ngoại Quốc.

1. Name of Student/Trainee Họ, Tên Sinh Viên/Người được huấn luyện: Đông Văn Khánh

2. School and School Address  
Trường và địa chỉ nhà trường: Police School Malaysia  
Kuala Lumpur

3. Dates  
Ngày, tháng, năm From Từ: 1/1966 To Đến: 4 tuần lễ

4. Description of Courses  
Mô tả ngành học: intelligent course at Kuala Lumpur

5. Who paid for training?  
Ai đài thọ chương trình huấn luyện?:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available? YES NO (X))  
(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? CÓ KHÔNG (X))

H. Reeducation of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of person in Reeducation  
Họ, tên người đi học tập cải tạo: Đông Văn Khánh

2. Time in Reeducation From Từ: 18.3.1975 To Đến: 13.2.1988

3. Still in Reeducation? YES NO  
Vẫn còn học tập cải tạo? CÓ KHÔNG X

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)  
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú Phụ thuộc

Trước khi bị bắt lần đầu tiên tôi ở nhà  
tập đã thiếu hụt

Signature Ký Tên [Signature] Date Ngày 18.6.1989

J. Please list here All documents attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. Giấy ra trại của Đông Văn Khánh
2. Bản sao hồ sơ
3. Bản hồ sơ của Đông Văn Khánh - Đông Thị Mỹ Hạnh - Đông Tăng Giao
4. Mười ba khai sinh
5. 13 ảnh
6. Mười chứng minh nhân dân

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Trường-Thành (Cầnthơ)  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1932  
(Année)

SỐ HIỆU 68  
(Acte No)

|                                                     |                    |
|-----------------------------------------------------|--------------------|
| Tên, họ đứa con nít.<br>(Nom et prénom de l'enfant) | ĐỒNG - VĂN - THANH |
| Nam, nữ.<br>(Sexe de l'enfant)                      | Nam                |
| Sinh ngày nào.<br>(Date de naissance)               | Le 1er Juin 1932   |
| Sinh tại chỗ nào.<br>(Lieu de naissance)            | Trường-Thành       |
| Tên họ cha.<br>(Nom et prénom du père)              | ĐỒNG-VĂN-THỊNH     |
| Cha làm nghề gì.<br>(Sa profession)                 | Làm ruộng          |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                    | Trường-Thành       |
| Tên, họ mẹ.<br>(Nom et prénom de la mère)           | DƯƠNG-THỊ-TỊNH     |
| Mẹ làm nghề gì.<br>(Sa profession)                  | Làm ruộng          |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                    | Trường-Thành       |
| Vợ chánh hay vợ thứ.<br>(Son rang de femme mariée)  | Vợ chánh           |

Chúng tôi, Nguyễn-Đức-Quý TUN  
(Nous)

Chánh-án Tòa Phong-Dinh  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phan-văn-Bộ  
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.  
(Greffier en chef dudit tribunal).

Cầnthơ, ngày 3/2/ 19 64  
CHÁNH - ÁN,  
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme),

Cầnthơ, ngày 3/2/ 19 64  
CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền :  
(Coût  
Biên-lai số :  
(Quittance no)



ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 3

Số hiệu: 700



**TRÍCH LỤC CHƯNG-THƯ HÔN-THƯ**

**TRÍCH LỤC CHƯNG-THƯ HÔN-THƯ**

Tên họ người chồng **DÔNG-VĂN-THÀNH**

nghề - nghiệp **quản nhân**

sinh ngày **một** tháng **giêng** năm **một nghìn chín**

**trăm ba mươi hai** tại **Sài Gòn**

cư - sở tại **230, đường Lê Lợi**

tạm trú tại \_\_\_\_\_

Tên họ cha chồng **DÔNG-VĂN-THÀNH (sống)**  
(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng **DÔNG-VĂN-THÀNH (sống)**  
(sống chết phải nói)

Tên họ người vợ **PHẠM-VĂN-HOÀ**

nghề - nghiệp **giáo viên**

sinh ngày **mười lăm** tháng **ba** năm **một nghìn chín**

**trăm bốn mươi lăm** tại **Sài Gòn**

cư - sở tại **230, đường Lê Lợi**

tạm trú tại \_\_\_\_\_

Tên họ cha vợ **Võ Đình**  
(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ **PHẠM-VĂN-HOÀ (sống)**  
(sống chết phải nói)

Ngày cưới **7** tháng **12** năm **1963**

Vợ chồng khai có hay không có lập hôn-kế ngày \_\_\_\_\_

tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

tại \_\_\_\_\_

**SAN Y KHOA 20**

TRÍCH-Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày \_\_\_\_\_ tháng **7** năm **1964**

**TRƯỞNG QUẢN LƯU,**  
**VIỆN-LƯU C HỘ-TỊCH,**



*[Signature]*

*[Signature]*

**VIỆN-PHỤ-NỮ**

**TRÍCH LỤC CHƯNG-THƯ HÔN-THƯ**  
Trích lục chứng thư hôn-thư  
của ông **DÔNG-VĂN-THÀNH**  
và bà **PHẠM-VĂN-HOÀ**  
khai hôn ngày **7-12-1963**  
tại **Sài Gòn**  
là con của ông **Võ Đình**  
và bà **PHẠM-VĂN-HOÀ**  
khai hôn ngày **7-12-1963**  
tại **Sài Gòn**  
và ông **DÔNG-VĂN-THÀNH**  
và bà **PHẠM-VĂN-HOÀ**  
khai hôn ngày **7-12-1963**  
tại **Sài Gòn**  
và ông **DÔNG-VĂN-THÀNH**  
và bà **PHẠM-VĂN-HOÀ**  
khai hôn ngày **7-12-1963**  
tại **Sài Gòn**

VIỆT-NAM LỘNG-HOÀTỈNH GIÁ-ĐÌNHQUẬN TÂN-ĐÌNHXÃ PHÚ-NHUẬNSố hiệu 396

Tọa Sơ Tham Sứ Gòn  
xử về việc hộ trong  
phiên nhậm công khai  
ngày 15/6/1954, số 1216/MB  
Ấn thể vì khai sanh

Phạm-Thị-Huân

## TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 19 tháng 3 năm 1955

Tên họ đứa trẻ . . .

Phạm-Thị-Huân

Con trai hay con gái

Gái

Ngày sanh . . .

25/3/1955

Nơi sanh . . .

Phủ-Nhuân, GIÁ-ĐÌNH

Tên họ người cha . .

Vũ-danh

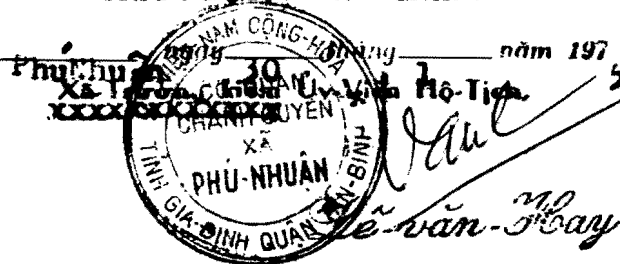
Tên họ người mẹ . .

Phạm-Thị-GiậnVợ chánh hay không có  
hôn thú . . .Nhìn là con

Tên họ người đứng khai

XXX

TRÍCH-LỤC Ý BAN CHANH



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập—Tự Do—Hạnh Phúc

MẪU HT3/P3

Xã, Thị trấn \_\_\_\_\_

Thị xã, Quận \_\_\_\_\_

Thành phố, Tỉnh \_\_\_\_\_

# BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

36 12497/E

Quyển số \_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|                                                                                                |                                                                   |                      |         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|
| Họ và Tên                                                                                      | ĐÔNG VĂN CHÁNH                                                    |                      | Nam, nữ |
| Sinh ngày<br>tháng năm                                                                         | Ba tháng chạp năm một nghìn chín trăm sáu mươi ba<br>(03/12/1963) |                      |         |
| Nơi sinh                                                                                       | 331, Hồng Bàng.                                                   |                      |         |
| Khai về cha mẹ                                                                                 | CHA                                                               | MẸ                   |         |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                  | ĐÔNG VĂN CHÁNH.<br>29                                             | PHẠM THỊ MƯỜI.<br>16 |         |
| Dân tộc                                                                                        | //                                                                |                      |         |
| Quốc tịch                                                                                      | //                                                                |                      |         |
| Nghề nghiệp                                                                                    | Giáo viên.                                                        | Hội trợ.             |         |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                            | 238, đường Bà Hạm.                                                |                      |         |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai. | //                                                                |                      |         |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

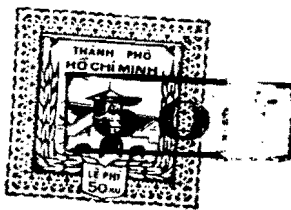
Ngày 10 tháng 8 năm 1983

Đăng ký ngày 7 tháng 12 năm 1983

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND \_\_\_\_\_ ký tên đóng dấu

viên chức bộ tịch đã ký:



ĐO - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN - 803

Số hộ : 5683

## TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (1963)

Kính 10-phổ  
Hợp vào sổ hộ khẩu-quận-vy

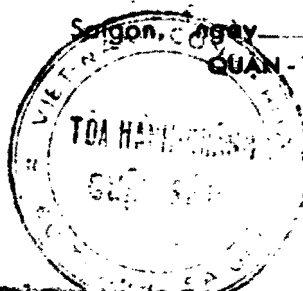
|                             |                                                                                           |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . . .   | <b>ĐỒNG-ĐĂNG-Phước</b>                                                                    |
| Phái . . . . .              | <b>Nam</b>                                                                                |
| Ngày sanh . . . . .         | <b>Mười lăm, tháng chạp, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba, hồi 0 giờ 15' (25-12-63)</b> |
| Nơi sanh . . . . .          | <b>238, đường Bà-Hon</b>                                                                  |
| Tên, họ người Cha . . . . . | <b>ĐỒNG-văn-Thành</b>                                                                     |
| Tuổi . . . . .              | <b>Ba mươi một tuổi</b>                                                                   |
| Nghề-nghiep . . . . .       | <b>quản-nhân</b>                                                                          |
| Nơi cư-ngụ . . . . .        | <b>239, đường Bà-Hon</b>                                                                  |
| Tên, họ người mẹ . . . . .  | <b>Phạm-thị-thị</b>                                                                       |
| Tuổi . . . . .              | <b>Mười tám tuổi</b>                                                                      |
| Nghề-nghiep . . . . .       | <b>Giáo-viên</b>                                                                          |
| Nơi cư-ngụ . . . . .        | <b>238, đường Bà-Hon</b>                                                                  |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .  | <b>Vợ chánh</b>                                                                           |

Lập tại Saigon, ngày 27 tháng 12 năm 1963

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 1 tháng 3 năm 1966

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 803



*Handwritten signature*

NGUYỄN-PHÚ-HUỆ

Xã, Thị trấn \_\_\_\_\_  
Thị xã, Quận Bến  
Thành phố, Tỉnh PC

BẢN SAO  
GIẤY KHAI SINH

Số 120  
Quyền số 01

|                                                                                               |                                                                 |                                     |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| Họ và tên                                                                                     | <u>ĐỒNG THỊ KỲ THU TÂN.</u>                                     |                                     | Nam, nữ <u>Nữ</u> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | <u>Năm tháng một năm một chín sáu sáu</u><br><u>(4/01/1966)</u> |                                     |                   |
| Nơi sinh                                                                                      | <u>215 Lạc tỉnh</u>                                             |                                     |                   |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | CHA                                                             | MẸ                                  |                   |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | <u>ĐỒNG VĂN THÀNH</u><br><u>//</u>                              | <u>PHẠM THỊ NGUYỄN</u><br><u>//</u> |                   |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                                                                          | <u>//</u>                                                       | <u>//</u>                           |                   |
| Nghề nghiệp<br>Nơi ĐKNK thường trú                                                            | <u>Quản nhân</u><br><u>234 Hà Sơn</u>                           | <u>Giáo viên</u>                    |                   |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>mệnh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | <u>Lê thị Việt</u><br><u>215 Lạc tỉnh</u>                       |                                     |                   |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 08 năm 19 66  
TM/UBND \_\_\_\_\_ ký tên đóng dấu

KT Chánh Văn Phòng  
Phó Văn Phòng

Đăng ký ngày 07 tháng 01 năm 19 66  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Viên chức bộ tịch  
Dã ký

Nguyễn Văn Hồng

# KHAI SANH

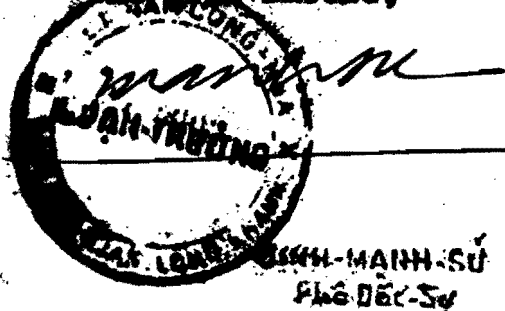
Số biểu

358

Chứng-Thực:

Chữ ký tên dưới đây của Ông  
Ủy viên Mặt-Tích Xã Định-Quán.  
Định-Quán, ngày 8-IX-1967

TL QUẢN-TRƯỞNG  
HỆ-THỐNG-TRƯỞNG;



SAO Y MỆ KHAI SANH năm 1967  
Định-Quán, ngày 8-IX-1967  
Ủy viên Mặt-Tích,



|                       |                           |
|-----------------------|---------------------------|
| Tên, họ ầu nãi:       | DÔNG-MANH-SU              |
| Phái:                 | Nam                       |
| Sinh:                 | Ngày 25 tháng 10 năm 1967 |
| (Ngày tháng năm)      |                           |
| Tại:                  | Hà Định-Quán              |
| Cha:                  | DÔNG-văn-Thành            |
| (Tên, họ)             |                           |
| Tuổi:                 | 1932                      |
| Nghề-nghiệp:          | Quân-Nhân                 |
| Cư-trú tại:           | Chi-Khu Định-Quán         |
| Mẹ:                   | Phạm-Thị-Huê              |
| (Tên, họ)             |                           |
| Tuổi:                 | 1945                      |
| Nghề-nghiệp:          | Nội-trợ                   |
| Cư-trú tại:           | Xã Định-Quán              |
| Vợ:                   | Chánh                     |
| (Chánh hay Phó)       |                           |
| Người khai:           | DÔNG-văn-Thành            |
| (Tên, họ)             |                           |
| Tuổi:                 | 1932                      |
| Nghề-nghiệp:          | Quân-Nhân                 |
| Cư-trú tại:           | Chi-Khu Định-Quán         |
| Ngày khai:            | Ngày 31 tháng 10 năm 1967 |
| Người chứng thứ nhất: | Nguyễn-Công-Thơ           |
| (Tên, họ)             |                           |
| Tuổi:                 | 51 tuổi                   |
| Nghề-nghiệp:          | Quân-Nhân                 |
| Cư-trú tại:           | Chi-Khu Định-Quán         |
| Người chứng thứ nhì:  | Phạm-văn-Tô               |
| (Tên, họ)             |                           |
| Tuổi:                 | 1925                      |
| Nghề-nghiệp:          | Thợ-Máy                   |
| Cư-trú tại:           | Xã Định-Quán              |

Làm tại Định-Quán, ngày 31 tháng 10 năm 1967  
Người khai: Hà - lợi, Nhân - chứng:

DÔNG-văn-Thành, Trương-văn-Ri, Nguyễn-Công-Thơ  
-ký tên- -ký tên- Phạm-văn-Tô  
-ký tên-

# KHAI SANH

38 (11a) - 220

|                        |                |                        |    |
|------------------------|----------------|------------------------|----|
| Tên họ lần khai :      | ĐÔNG-VĂN-KHÁNH |                        |    |
| Phái :                 | Nam            |                        |    |
| Đang ngày              | tháng          | năm một ngàn chín trăm |    |
|                        | 7              | 6                      | 70 |
| (Viết bằng chữ)        | (7-6-1970)     |                        |    |
| Tại :                  | Xã Định-Quán   |                        |    |
| Cha :                  | ĐÔNG-VĂN-THÀNH |                        |    |
| Tên họ                 |                |                        |    |
| Tuổi :                 | 1932           |                        |    |
| Nghề nghiệp :          | Quản-nhân      |                        |    |
| Cư trú tại :           | Xã Định-Quán   |                        |    |
| Mẹ :                   | PHẠM-THỊ-MƯỜI  |                        |    |
| Tên họ                 |                |                        |    |
| Tuổi :                 | 1945           |                        |    |
| Nghề nghiệp :          | Nội-trợ        |                        |    |
| Cư ngụ tại :           | Xã Định-Quán   |                        |    |
| Vợ :                   | CHÍNH          |                        |    |
| Vợ chính hay thứ       |                |                        |    |
| Người khai :           | ĐÔNG-VĂN-THÀNH |                        |    |
| Tên họ                 |                |                        |    |
| Tuổi :                 | 1932           |                        |    |
| Nghề nghiệp :          | Quản-nhân      |                        |    |
| Cư ngụ tại :           | Xã Định-Quán   |                        |    |
| Ngày khai              | tháng          | năm 19                 |    |
| 11                     | 6              | 70                     |    |
| Người chứng thứ nhất : | PHẠM-VĂN-TE    |                        |    |
| Tên họ                 |                |                        |    |
| Tuổi :                 | 1925           |                        |    |
| Nghề nghiệp :          | Thợ may        |                        |    |
| Cư trú tại :           | Xã Định-Quán   |                        |    |
| Người chứng thứ hai :  | LÊ-VĂN-HÀ      |                        |    |
| Tên họ                 |                |                        |    |
| Tuổi :                 | 1934           |                        |    |
| Nghề nghiệp :          | Bác-sĩ         |                        |    |
| Cư trú tại :           | Xã Định-Quán   |                        |    |

Sao-Y Bộ Khai-Sinh  
năm 1970

Định-Quán ngày 3-10-71

ỦY BAN QUẢN LÝ



VĂN-GIANG

Định-Quán II 6 70

ĐÔNG-VĂN-THÀNH    HUỖNH-VĂN-LÂN    PHẠM-VĂN-TE  
LÊ-VĂN-HÀ

Ký                      Ký                      Ký

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH LONG KHÁNH

# BỒN TRÍCH-LỤC

## BỘ KHAI - SANH

QUẬN ĐỊNH-QUÁN

XÃ ĐỊNH-QUÁN

Năm 1972

Số hiệu : 443

Tên, họ đứa nhỏ : ĐỒNG-THỊ MỸ TÚ-TRINH

Phái : Nữ

Sanh ngày : Chín, tháng tám, năm một ngàn chín trăm 72  
(09-8-1972)

Sanh tại : Xã Định-Quán

Tên, họ người Cha : Đồng-Văn-Thành

Tuổi : 1932

Nghề nghiệp : Quân-Nhan

Nơi cư ngụ : Xã Định-Quán

Tên, họ người Mẹ : Phạm-Thị-Mười

Tuổi : 1945

Nghề nghiệp : Nội-Trợ

Nơi cư ngụ : Xã Định-Quán

Vợ chính hay Vợ thứ : Chính

lập tại : Định-Quán ngày 12 tháng 08 năm 1972

MIỀN THỊ - THỰC

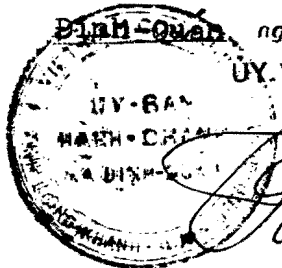
TIC-TT số 4366. BNV/HC. 29

ngày 03-8-1970 của Bộ Nội-Vụ

« TRÍCH LỤC Y BỘ SANH »

Định-Quán, ngày 14 tháng 8 năm 1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



TRẦN-VĂN-GIANG

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

TỈNH GIÀ-ĐÌNH

QUẬN TÂN SƠN

XÃ TÂN SƠN HÒA

Số hiệu 203

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 22 tháng 02 năm 1975

ĐÃ KIỂM SOÁT TRONG BỘ

|                                           |                  |
|-------------------------------------------|------------------|
| Tên họ đứa trẻ . . .                      | Đặng Thị Mỹ Dung |
| Con trai hay con gái .                    | Nữ               |
| Ngày sanh . . . . .                       | Ngày 01/1/1975   |
| Nơi sanh . . . . .                        | Tân Sơn Hòa      |
| Tên họ người cha . . .                    | Đặng Văn Thành   |
| Tên họ người mẹ . . .                     | Phạm Thị Xuân    |
| Vợ chánh hay không có<br>hôn thú. . . . . | Chánh            |
| Tên họ người đứng khai .                  | Phạm Văn Bảy     |

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Tân Sơn Hòa, ngày 02 tháng 02 năm 1975

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch

CHÍNH-QUYỀN XÃ TÂN-SƠN-HÒA

YÊN HỘ-TỊCH

LE-VAN-TAM

ĐỒ - THÀNH SATGON

Tòa Hành Chánh Quan Nhứt

Số hiệu : 3252

HQ - TUCH

**RICH LUC BÔ KHAT SANH**

NĂM Một ngàn chín trăm sáu mươi ( 1960 )

~~-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X~~

Tên, họ đứa nhỏ : NGUYỄN HỮU VINH

• Phải • Nữa

• Ngày sinh : Ngày năm tháng tám năm một ngàn  
chín trăm sáu mươi , 7 giờ 25 .

\* Nơi sinh : Saigon , 48 Đường Mã Lò .

Tên, họ người cha : Nguyễn Hữu Đàn

: Tuổi                      : Ba mươi sáu

• Nghề nghiệp                      • Giáo sư

• Nơi cư ngụ: Gia Định,  $\frac{24}{366/3}$  đường Võ Tấn

• Tên, họ người mẹ : Dương Thị Túc

Tuổi Hai mươi bốn

~~· Nghề nghiệp~~                      · Nói trêu

• Nay cư ngụ: Gia Định,  $\frac{24}{266 \div 3}$  đường Võ Tánh

*Vợ Thi Cuyết Nhung* Vợ chánh hay thứ : Vợ chánh .

~~-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X-X~~

Lập tại Saigon , ngày 11 tháng 8 năm 1960

# TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Saigon, ngày 2<sup>o</sup> tháng 1 năm 1962

Quan Trư<sup>ơ</sup>ng Quan Nhứ<sup>t</sup>

(Ký tên và đóng dấu)

LÊ - MINH - TÙNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã HTS/P3

Xã, Thị trấn Phước Mỹ  
Thị xã, Quận Hải Phòng  
Thành phố, Tỉnh Hải Phòng

# BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 4715  
Quyển số 211985

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|                                                                                               |                                                                                         |                         |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------|
| Họ và Tên                                                                                     | <b>NGUYỄN - KINH - TRI</b>                                                              |                         | Nam, nữ <b>Nam</b> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | <b>Ngày ba mươi tháng mười năm một ngàn chín<br/>trăm tám mươi lăm (30 - 10 - 1985)</b> |                         |                    |
| Nơi sinh                                                                                      | <b>Bệnh viện Quân 6</b>                                                                 |                         |                    |
| Khai về cha mẹ                                                                                |                                                                                         |                         |                    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | <b>CHA</b>                                                                              | <b>MẸ</b>               |                    |
|                                                                                               | <b>NGUYỄN-HUU-VINH</b>                                                                  | <b>DÔNG-THI-MY-HANH</b> |                    |
|                                                                                               | <b>1960</b>                                                                             | <b>1961</b>             |                    |
| Dân tộc                                                                                       | <b>Kinh</b>                                                                             | <b>Kinh</b>             |                    |
| Quốc tịch                                                                                     | <b>Việt-nam</b>                                                                         | <b>Việt-nam</b>         |                    |
| Nghề nghiệp                                                                                   | <b>Công-nhân</b>                                                                        | <b>Công-nhân</b>        |                    |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           | <b>382/3<sup>J</sup> Bạch Đằng tam</b>                                                  | <b>234 Bà Lam</b>       |                    |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | <b>DÔNG-THI-MY-HANH 1961</b>                                                            |                         |                    |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 08 tháng 11 năm 198 5  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Nơi Quận 6 TP HCM năm 198 6  
TM CHỦ TỊCH QUẬN 6 TP HCM ký tên đóng dấu



LÊ THỊ ÚT

MAZ BTSP/8

Số 295  
Quyển số 01/87

[illegible]


 LỰC LƯỢNG QUỐC PHÒNG 613.26  
 TỈNH  
 THỦ KÝ  
*and*  
 Ủy ban Văn Thành

Đã ký và Đóng dấu :  
Nguyễn Hùng

QUẬN AN-TÚC

XI AN-KHÊ

# KHAI SINH

Số hiệu 33

|                               |                                                                          |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Tên họ đầu nhĩ :              | TRƯƠNG-THỊ-TIÊN-XUÂN                                                     |
| Quốc tịch :                   | Việt-Nam                                                                 |
| Phái :                        | NỮ                                                                       |
| Sinh ngày tháng năm :         | Ngày Mừng, mười tháng Tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (10.4.1966) |
| Tại :                         | Ấp An-Phú Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                   |
| Tên họ cha :                  | TRƯƠNG-MINH-HỘI                                                          |
| Tuổi :                        | Sinh năm 1930                                                            |
| Nghề nghiệp :                 | Buôn bán                                                                 |
| Sinh quán :                   | Xã An-Nhon-Tây, Hậu-Nghĩa                                                |
| Trú quán :                    | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |
| Tên họ mẹ :                   | DIỆP-MỸ-LAN                                                              |
| Tuổi :                        | Sinh năm 1942                                                            |
| Nghề nghiệp :                 | Thợ may                                                                  |
| Sinh quán :                   | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |
| Trú quán :                    | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |
| Vợ (chánh hay thôi) :         | Vợ chánh                                                                 |
| Tên họ người khai :           | DIỆP-MỸ-LAN                                                              |
| Tuổi :                        | Sinh năm 1942                                                            |
| Nghề nghiệp :                 | Thợ may                                                                  |
| Sinh quán :                   | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |
| Trú quán :                    | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |
| Ngày khai :                   | Ngày 27 tháng 04 năm 1966                                                |
| Tên họ người chứng thứ nhất : | ĐẶNG-HỮU-BA                                                              |
| Tuổi :                        | Sinh năm 1929                                                            |
| Nghề nghiệp :                 | Nông                                                                     |
| Cư trú tại :                  | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |
| Tên họ người chứng thứ nhì :  | NGUYỄN-NHỰT                                                              |
| Tuổi :                        | Sinh năm 1930                                                            |
| Nghề nghiệp :                 | Nông                                                                     |
| Cư trú tại :                  | Xã An-Khê, An-Túc, Bình-Dịnh                                             |

HÀNG LƯU-TRÁI 25 PHA-SI-CAM QUINON

Làm tại Xã An-Khê, ngày 27 tháng 04 năm 1966

NGƯỜI KHAI                      HỘ LẠI                      NHÂN CHỨNG  
(lã ký tên vào bộ)      Ký tên : HỒ-KIỆU và dấu      (Đều ký tên vào bộ)

Họ chữ ký của

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

Hồ Kiều và dấu

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8

30 4 8



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mlư số HT12/P3  
Xã, Phường ..... Độc lập — Tự do — Hạnh phúc QĐ số  
Huyện, Quận ..... C6 Ngày  
Tỉnh, Thành phố HCM ..... Số 1257  
Quyển số 11394

# GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Văn Tuấn

Đặng Văn Tuấn

Bí danh

Sinh ngày tháng 05 . 02 . 1960

03 . 12 . 1961

năm hay tuổi

Dân tộc Khmer

Khmer

Quốc tịch Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp Công nhân

Công nhân

Nơi đăng ký 352/37 Lạc Long Quân

352 Đường Lạc Long Quân

nhân khẩu 8 . phường 13

phường 7

thường trú Quận 3

Quận 6

Số giấy chứng minh nhân dân :

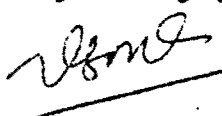
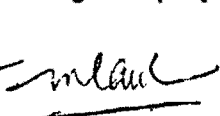
020610376

hoặc hộ chiếu

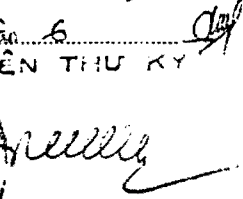
Đăng ký ngày 15 tháng 10 năm 1980

Người chồng ký Người vợ ký

TM. U.B.N.D. Quận 6





NGUYỄN MINH HOÀNG

Ngày 14 tháng 10 năm 88

SÀO LUG AN CHANG

TRUY BAN HANG 10 PHUONG 10

NGHIA TICH

HY VIEN THA KY



Handwritten signature or name, possibly "Thanh", written in a cursive style.

Xã, Thị trấn: Phước Iá

Thị xã, Quận: Bình Thạnh

Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

# BẢN SAO GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 066

Quyển số 066/1968

|                                        | CHỒNG                    | VỢ                                        |
|----------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|
| HỌ VÀ TÊN<br>Bí danh                   | <u>LÊNG LÊNG GIANG</u>   | <u>TRƯƠNG THỊ TÂM KIỆM</u>                |
| Sinh ngày,<br>tháng năm<br>hay tuổi    | <u>25 10 1967</u>        | <u>10 04 1966</u>                         |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                   | <u>VIỆT</u>              | <u>KINH - NAM</u>                         |
| Nghề nghiệp                            | <u>THỢ GIÊY</u>          | <u>THỢ GIÊY</u>                           |
| Nơi đăng ký<br>nhân khẩu<br>thường trú | <u>224 BÀ NCM P13 Q6</u> | <u>37/27 NGUYỄN VĂN TỬ<br/>P13, Q. BT</u> |
| Số giấy CM, CNCC<br>hoặc hộ chiếu      | <u>082 520 226</u>       | <u>/</u>                                  |

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày 19 tháng 10 năm 1968

TM/UBND P13 Ký tên đóng dấu  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 tháng 10 năm 1968

TM/UBND P13 Ký tên đóng dấu  
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



# THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở: .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG CHỖ ĐỔI KHÁC

T-K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

52  
uđ:  
vi

## GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 620400 CN

Họ và tên chủ hộ: .....

Ấp, ngõ, số nhà: .....

Thị trấn, đường phố: .....

Xã, phường: .....

Huyện, quận: .....

Ngày 12 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an: .....

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3

NGUYỄN VĂN HÒA

# NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌA TÊN         | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cũ họ ĐKNK |
|-----------|-----------------|--------------------|------------|---------------------|--------------|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|----------------|
| 1         | 2               | 3                  | 4          | 5                   | 6            | 7                           | 8                                           | 9                               | 10             |
| 01        | Phạm Chí Miếu   | Chủ hộ             | Nữ         | 15-2-1945           | 02041052     | Ông - Ks                    | 1-10-1970                                   |                                 |                |
| 02        | Đặng Thị Mỹ     | Con                | Nữ         | 3-12-1951           | 220410376    | Nhân viên hợp tác xã        | 1-10-1970                                   |                                 |                |
| 03        | Đặng Đình Phức  | Con                | Nam        | 15-11-1953          | 020410405    | Công nhân                   | 1-10-1970                                   |                                 | Hết tên trước  |
| 04        | Đặng Thị Mỹ     | Con                | Nữ         | 1-1-1955            | 022519662    | Đàn - Công                  | 1-10-1970                                   |                                 | Đổi tên        |
| 05        | Đặng Đình Giàu  | Con                | Nam        | 25-10-1957          | 022520225    | Học - Sinh                  | 1-10-1970                                   |                                 |                |
| 06        | Đặng Đình Khánh | Con                | Nam        | 7-6-1970            | 022521940    | Học - Sinh                  | 1-10-1976                                   |                                 |                |
| 07        | Đặng Thị Mỹ     | Con                | Nữ         | 9-8-1972            | 022521941    | Học - Sinh                  | 1-10-1976                                   |                                 |                |
| 08        | Đặng Thị Mỹ     | Con                | Nữ         | 15-1-1975           |              | Học - Sinh                  | 1-10-1978                                   |                                 |                |
| 09        | Nguyễn Minh Bửu | Con                | Nam        | 30/10/1975          |              |                             | 2/11/1975                                   |                                 |                |
| 10        | Đặng Văn Chanh  | Con                | Nam        | 1932                | 022511688    |                             | 2-6-1988                                    |                                 |                |
| 11        | Nguyễn Thị Ngọc | Con                | Nữ         | 03/12/1987          |              |                             | 11/6/1988                                   |                                 |                |
| 12        | Nguyễn Thị Ngọc | Con                | Nữ         | 1952                |              |                             | 01/8/1978                                   |                                 |                |
| 13        | Nguyễn Thị Ngọc | Con                | Nữ         | 1955                |              |                             | 31/10/1988                                  |                                 |                |

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số \_\_\_\_\_/HS

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Đông Văn Thành

Sinh năm 19 32

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Quận Thủ Đức

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

234 Đường Lê Hồng, Q6, TP/Hồ Chí Minh

Can tội

Điếu trưởng ban 2

Bị bắt ngày

18/3/79

Án phạt

TRGT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

234 Đường Lê Hồng, Q6, TP/Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo anh Thành đã cố gắng trong học tập, lao

động, và chấp hành nội quy của trại

Tiền đề vững chắc để tiếp tục cải tạo và trở về gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi cư trú

Trước ngày 15 tháng 2 năm 19 88

Lưu tay ngón trỏ phải

Của

Đông Văn Thành

Danh bìa số

Lập tại



Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Đông Văn Thành

Ngày 15 tháng 2 năm 19 88

A. Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

Nguyễn Văn Thành

Singapore ngày 20/9/89

Chị Thảo thân mến,

\* Hôm nay em nhớ chị chuyển tiếp giúp em 2 hồ sơ. Chị và anh chị em hàng họ, thấy cần giúp cho anh em bên nhà, cứ tiếp tục làm như gửi giúp liên tục cho đến ngày tôi rời khỏi VN thì thôi. Sự đó tôi thấy là họ cũng sẽ gửi, nhưng có đơn tay của họ hay không thì sẽ tính sau.

① - Đoàn kỹ sư về và thành, ra trại ngày 13/2/88 (đợt Tết), cho đến nay có gửi hồ sơ qua ODP/Bangkok nhưng không có tin tức gì về Lối hay IV gì cả. Nhờ Thảo, nhớ tôi xin hỏi họ giúp.

② - Trương Sĩ Nhất - T.A. Quang TÂN Thuận Công sát Đặc biệt, ra trại 6/9/1983 (cũng gần 8 năm) có 12 tháng quản chế. Đến nay chưa có nhận được gì từ ODP/Bangkok có thể nói là đã có gửi hồ sơ hồi 1986 và 1985. (Ký biết ở ODP Bangkok họ có nhận được hay không?) Anh này

2)

tuy là họ h<sup>2</sup> quen, nhưng chắc đã quên  
CS/Đức biết cũ<sup>2</sup>, Kéo mớ thích nghi với  
hội liên này trên. Xin chị viết lời gửi g

\* Hôm h<sup>2</sup> K đều có 1 h<sup>2</sup> là đây đ<sup>2</sup>  
đang cho ĐDP về 1 h<sup>2</sup> B như cho h<sup>2</sup> đ<sup>2</sup> h<sup>2</sup>  
Chị Th<sup>2</sup> 2,

\* Từ hôm qua 19/9 về dự tu luyện 20/9  
hôm nay, hai tuần (Mg). Việc dạy học ở Saigon  
đi ổn định lên chốt sổ m<sup>2</sup> ai cho m<sup>2</sup> list  
cho m<sup>2</sup> chuyên đi dạy tại đây 3 thầy m<sup>2</sup>  
năm 89. Điều t<sup>2</sup> thuận lời - Xin báo chị  
hay đ<sup>2</sup> chị m<sup>2</sup>. Tuy nhiên anh m<sup>2</sup> thân h<sup>2</sup>  
của chị chắc sẽ đi lúc nào, chuyên r<sup>2</sup>  
(nhưng chắc sẽ là Tony năm 89.) - và r<sup>2</sup> h<sup>2</sup>  
vọng gặp chị gần đây thôi. Chúc chị và  
Anh chị em trong h<sup>2</sup> vui vẻ đến tu luyện.

Thân,

h<sup>2</sup> h<sup>2</sup>

# Trích

1. Đồng Văn Chanh 1932
2. Phạm Thị Mười 1945
3. Đồng tài Mỹ Hào 1961
4. Đồng Đăng Phúc 1963
5. Đồng thị Mỹ Khuê 1966
6. Đồng Đăng Grace 1967
7. Đồng thị Mỹ Bá Bình 1972
- ~~8. Đồng Đăng Khánh 1970~~
9. Đồng tài Mỹ Đan Vy 1975
10. Nguyễn hân Vinh, 1960
11. Nguyễn miên Bửu 1985
12. Nguyễn Mỹ Hồng Ngọc 1987
13. Trương thị Gia Xuân 1966



Đông thi Mỹ  
Rui Savind

1972

Đông thi Mỹ  
Đan - Mỹ

1975

Đông thi Mỹ  
Hành

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1970

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1932

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1960

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1961

Đông thi Mỹ  
Phan Thi Mui

1966

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

38 651

29.2.1988

Trại

Số

HS

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 066-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 66 ngày 4 tháng 2 năm 1988

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

ĐỒNG VĂN THẮNG

Sinh năm 19 38

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Đám Sơn 1

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

234 Đường Lê Lợi, Q6, TP/Hồ Chí Minh

Cán tội

Điêu tặc phạm 2

Bị bắt ngày

11/2/78

An phạt

TRỜI

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tống án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

234 Đường Lê Lợi, Q6, TP/Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cư trú

Quá trình cải tạo anh Thắng đã cố gắng, trung thực tập, lao

động, và chấp hành nội quy của trại

Hiện tại đang đi cấp án tử tước về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi cư trú

Trước ngày 15 tháng 2 năm 19 88

Lưu tại nơi trả phí

Của

ĐỒNG VĂN THẮNG

Đang bị án

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

SK

Ngày 12 tháng 2 năm 19 88

Ph. Trưởng trại

(ghi rõ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

Nguyễn Thị Ngọc Phức

Ngày 10 tháng 11 năm 88

SAO LƯU BAN CHỈ HUY

TRUYỀN THÔNG VÀ PHÂN CÔNG

CHỦ TỊCH

UYÊN THỦ LÝ



Nguyễn Văn Thành

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Có tên họ là  
Kèm lai hồ sơ  
Ký và ghi rõ họ tên  
10/18/89

29.2.1982  
LTC, ban  
ng văn số  
tháng 11  
972

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

SHSLD

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1981

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khai sinh **ĐINH VĂN THẠCH** Sinh năm 19 88

Các tên gọi khác:

Nơi sinh: **Đông Sơn**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: **224 Đường Lê Lợi, P. 2/15 Quận Minh**

Cán bộ: **Nguyễn Văn Sơn**

Bị bắt ngày: **22/2/78** Án phạt: **1200**

Theo quyết định, án văn số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_

Đã bị tống án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Đã được giảm án \_\_\_\_\_ lần, cộng thành \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_

Nay về cư trú tại: **224 Đường Lê Lợi, P. 2/15 Quận Minh**

Nhận xét quá trình cải tạo

**Đã trình cấp tổ anh Thạch đã cố gắng, trung thực tập, lao**

**động, và chấp hành nội quy nhà tù**

**Tham gia đường lối cấp án tử và đến gia đình**

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**

Trước ngày 15 tháng 2 năm 19 88

Đang ký nhận tại phải

Cán bộ: **ĐINH VĂN THẠCH**

Đang ký nhận

Lập tại

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

**ĐINH VĂN THẠCH**

Ngày 18 tháng 2 năm 19 88

Trưởng trại  
gửi họ tên, cấp bậc, chức vụ

**Nguyễn Văn Sơn**

Ngày 10 tháng 11 năm 88

**SAO LỤC AN CHANH**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

CHỦ TỊCH

UYÊN THỦ KÝ



**Nguyễn Văn Sơn**

Ngày 9.1.1991

Thưa Bà,

Tôi vừa được thư gia đình anh họ của tôi, cựu Đại Úy quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và gia đình cho hay được quý hội giúp can thiệp với chính phủ Hoa Kỳ về việc nhập cảnh và định cư tại Mỹ. Anh chị tôi cần người bảo lãnh, nên tôi viết thư này đến quý hội thông báo về việc tôi đồng ý bảo lãnh cả gia đình qua Mỹ gồm tất cả 7 người hiện đang ở địa chỉ 234 Bà Hom, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam:

| Tên họ               | Năm sinh |
|----------------------|----------|
| Đồng Văn Thành       | 1932     |
| Phạm Thị Mười        | 1945     |
| Đồng Đăng Phúc       | 1963     |
| Đồng Thị Mỹ Thu Tâm  | 1966     |
| Đồng Đăng Khánh      | 1970     |
| Đồng Thị Mỹ Tú Trinh | 1972     |
| Đồng Thị Mỹ Đan Vy   | 1975     |

Hiện tôi nhận được pho bản các hộ chiếu (thông hành) của cả gia đình, giấy xuất trại (Học Tập Cải Tạo) của anh họ tôi, và giấy báo tin cho phép xuất ngoại do Bộ Nội Vụ Việt Nam cấp. Nếu cần làm thủ tục giấy tờ bảo lãnh, xin bà vui lòng gửi tôi các mẫu đơn cần thiết.

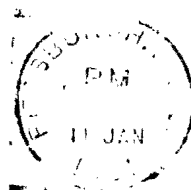
Trân trọng cảm ơn bà cùng quý hội.

Richard M. Meyer

Nguyễn Thuyết Phong

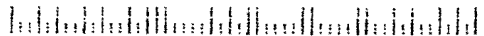
Dr. Phong Nguyen

Pittsburgh, PA 15217



*Dr. Phong Nguyen  
151 York Ave  
Pittsburgh, PA 15217*

Mrs. Khuc Minh Tho, President  
HCTNCTVN  
P.O. Box 5435  
Arlington, VA 22205-0635



# CONTROL

☐ Card  
☒ Doc. Request; Form 1/30/91  
☐ Release Order  
☐ Computer  
☐ Form "D"  
☐ ODP/Date \_\_\_\_\_  
☐ Membership; Letter